

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH HẬU GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 78/2022/DS-ST

Ngày: 28/9/2022.

V/v tranh chấp hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất và chia
di sản thừa kế.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Trường.

2. Ông Nguyễn Văn Trường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Châu – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện
Châu Thành – Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên
tòa:**

Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Châu
Thành – Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:
144/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng đất và chia di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ
án ra xét xử số: 101/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2022 và quyết định
hoãn phiên tòa số: 55/2022/QĐST-DS ngày 22 tháng 9 năm 2022 giữa các đương
sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1974.

Địa chỉ: ấp Thuận Hưng, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu
Giang.

Ông Nguyễn Văn M ủy quyền cho bà Phạm Ngọc D, sinh năm 1980 (có
mặt) địa chỉ ấp Phú Bình, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1953 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Thuận Hưng, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1976 (có mặt).

2/ Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1982 (có mặt).

3/ Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1986 (vắng mặt).

4/ Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1993 (có mặt).

5/ Ông Nguyễn Tuấn V, sinh năm 1991 (vắng mặt).

6/ Ông Nguyễn Quốc B, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Thuận Hưng, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

7/ Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu vực Thới Quơn B, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

8/ Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1990 (có mặt).

Đại chỉ: ấp Đại An, xã Thới An Hội, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/5/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay đại diện nguyên đơn bà Phạm Ngọc D trình bày:

Vào ngày 05/7/2021 ông Nguyễn Văn M có nhận chuyển nhượng đất của ông Nguyễn Văn T, diện tích đất 6875.6m², với giá là 240.000.000 đồng/1000m² đất. Ông Nguyễn Văn M cũng đã giao cho ông Nguyễn Văn T 710.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn T đã giao đất cho ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn M đã nhận đất cất nhà và trồng cây loại cây lâu năm (cây sầu riêng), và có làm hàng rào bao quanh đất. Khi mua bán không có làm hợp đồng theo quy định của pháp luật. Nay yêu cầu bị đơn và các con của bị đơn tiếp tục thực hiện hợp đồng, giao cho nguyên đơn phần đất theo đo đạc thực tế là 6.834.8m² như mảnh trích đo địa

chính số 361/2022 ngày 01/8/2022 của công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc bản đồ Tín Phát, và nguyên đơn sẽ trả cho bị đơn số tiền còn lại là 930.352.000 đồng.

Bị đơn Nguyễn Văn T đồng thời có đơn phản tố ngày 07/6/2022 trình bày: Vào ngày 05/7/2021, ông Nguyễn Văn T có chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn M, một phần đất có diện tích hơn 6000m², với giá là 240.000.000 đồng/1000m² đất. Khi chuyển nhượng thì có làm hợp đồng giấy tay, không có làm hợp đồng chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Văn T đã giao đất cho ông Nguyễn Văn M cất nhà, trồng cây, làm hàng rào. Lý do không thực hiện chuyển nhượng là do con ông Nguyễn Văn T là ông Nguyễn Văn K cản trở không chịu ký hợp đồng, nên không tiếp tục thực hiện hợp đồng được với nguyên đơn. Ông Nguyễn Văn T đồng ý giao đất cho ông Nguyễn Văn M, tiếp tục thực hiện hợp đồng với ông Nguyễn Văn M, giao đất cho ông Nguyễn Văn M, theo đo đạc thực tế 6834.8m² theo mảnh trích đo địa chính số 361/2022 ngày 01/8/2022 của công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc bản đồ Tín Phát. Ông Nguyễn Văn M có nghĩa vụ giao lại cho ông Nguyễn Văn T đủ số tiền còn lại 930.352.000 đồng. Ông Nguyễn Văn T yêu cầu chia số tiền chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Văn M, được 1.640.352.000 đồng, chia cho ông Nguyễn Văn T, và các con của ông Nguyễn Văn T với bà Trương Thị H (chết năm 2012) gồm Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị Hồng N. Chia thừa kế theo quy định của pháp luật vì trong đây có một phần di sản của bà Trương Thị H chết để lại.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn K trình bày: Cha ông Nguyễn Văn Kh là ông Nguyễn Văn T và mẹ là bà Trương Thị H (chết năm 2012) cha mẹ có sáu người con là Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị Hồng N. Cha mẹ ông Nguyễn Văn K tạo lập được khoảng 20.000m² đất, khi bà Trương Thị H chết không có để lại di chúc, trước khi bà Trương Thị H chết thì có cho đất các con canh tác, không có làm giấy tờ cho đất. Phần đất hiện tại đã chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Văn M khoảng 6875.6m² đất với giá là 240.000.000 đồng/1000m² đất, diện tích còn lại không nhớ bao nhiêu. Ông Nguyễn Văn K biết việc ông Nguyễn Văn T chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Văn M. Ông Nguyễn Văn K không có ý kiến gì trong việc chuyển nhượng đất, đồng ý việc chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Văn M, nhưng số tiền chuyển nhượng đất ông Nguyễn Văn K yêu cầu được nhận 480.000.000 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị Hồng N, thống nhất trình bày: Cha là ông Nguyễn Văn T và mẹ là bà Trương Thị H (chết năm 2012) cha mẹ có sáu người con là Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị Hồng N. Cha mẹ tạo lập được khoảng 20.000m² đất, khi bà Trương Thị H chết không có để lại di chúc, trước khi bà Trương Thị H chết thì có cho đất các con canh tác, không có làm giấy tờ cho đất. Phần đất hiện tại đã chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Văn M khoảng 6875.6m² đất với giá là 240.000.000 đồng/1000m² đất. Đồng ý tiếp tục thực hiện chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Văn M. Về yêu cầu chia thừa kế yêu cầu chia thừa kế theo đúng quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Tuấn V, Nguyễn Quốc B thống nhất trình bày: Đồng ý với ý kiến của nguyên đơn không có ý kiến gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành trình bày quan điểm: Kể từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thống nhất chuyển nhượng phần đất theo đo đạc thực tế 6.834.8m² như mảnh trích đo địa chính số 361/2022 ngày 01/8/2022 của công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc bản đồ Tín Phát cho nguyên đơn, tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn và bị đơn. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn giao cho bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan số tiền chuyển nhượng đất còn lại là 930.352.000 đồng. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn chia thừa kế số tiền chuyển nhượng đất 1.640.352.000 đồng cho bị đơn và các con của bị đơn theo quy định của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc chịu án phí dân sự sơ thẩm phân tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và chi phí thẩm định, định giá. Về án phí chia thừa kế thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc hỏi, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng đất, bị đơn phải có nghĩa vụ giao 6875.6m² đất cho nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu phản tố chia số tiền chuyển nhượng đất cho bị đơn và các con của bị đơn theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và chia di sản thừa kế. Do bị đơn và vị trí đất tranh chấp tại ấp Thuận Hưng, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành và được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về sự vắng mặt của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do. Căn vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 6875.6m² đất cho nguyên đơn, vị trí đất tại tại ấp Thuận Hưng, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Theo đo đạc thực tế phần đất nguyên đơn chuyển nhượng đất cho bị đơn có tổng diện tích 6834.8m² (trong đó diện tích 939.4m² thuộc thửa đất số 950, diện tích 5895.4m² thuộc thửa đất số 1502), tờ bản đồ số 07 theo theo mảnh trích đo địa chính số 361/2022 ngày 01/8/2022 của công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc bản đồ Tín Phát. Vị trí đất tại ấp Thuận Hưng, thị trấn Ngã Sáu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Xét hợp đồng mua bán đất ngày 05/7/2021 và ngày 08/11/2021 giữa nguyên đơn và bị đơn là loại hợp đồng bằng giấy tay, không có làm hợp đồng ra công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật, nên đã vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 167 luật đất đai năm 2013. Nhưng thực tế bị đơn cũng đã giao phần đất chuyển nhượng cho nguyên đơn quản lý, canh tác, sử dụng, cụ thể nguyên đơn cũng đã cất nhà kiên cố, trồng cây lâu năm và hàng rào bao quanh phần đất đã nhận chuyển nhượng của bị đơn. Phần đất tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS03696 cấp ngày 15/01/2019 cấp cho ông Bùi Thiện Nhân, bị đơn đã nhận

chuyển nhượng lại từ ông Bùi Thiện N và chuyển nhượng phần đất này cho nguyên đơn. Phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS03696 cấp ngày 15/01/2019 hiện do bị đơn đang quản lý. Hiện tại nguyên đơn đã giao cho bị đơn 710.000.000 đồng tiền chuyển nhượng đất, còn giữ lại 930.352.000 đồng, việc chuyển nhượng này nguyên đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán chưa được hai phần ba giá trị hợp đồng nên không thể công nhận theo Điều 129 Bộ luật dân sự.

Nhưng thực tế nguyên đơn đã nhận đất, cất nhà kiên cố, trồng cây lâu năm, bị đơn và các con bị đơn cũng thống nhất chuyển nhượng đất cho nguyên đơn, phần đất theo đo đạc thực tế có tổng diện tích 6834.8m² (trong đó diện tích 939.4m² thuộc thửa đất số 950, diện tích 5895.4m² thuộc thửa đất số 1502), tờ bản đồ số 07 theo theo mảnh trích đo địa chính số 361/2022 ngày 01/8/2022 của công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc bản đồ Tín Phát. Nên căn cứ vào Điều 212, 213 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc thống nhất chuyển nhượng đất cho nguyên đơn, và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu phản tố của bị đơn về việc chia thừa kế số tiền chuyển nhượng đất 1.640.352.000 đồng cho nguyên đơn. Xét về nguồn gốc phần đất chuyển nhượng cho nguyên đơn là của ông Nguyễn Văn T và bà Trương Thị H được ông bà cho lại diện tích 21.027m² và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK378381/CS03464 và CK378379/CS03462 cấp cùng ngày 31/01/2018. Phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS03696 cấp ngày 15/01/2019 trước đó khi bà Trương Thị H còn sống đã chuyển nhượng cho ông Bùi Thiện N, đến năm 2021 ông Nguyễn Văn T đã nhận chuyển nhượng lại và chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn M. Như vậy nguồn gốc đất chuyển nhượng là của ông Nguyễn Văn T và bà Trương Thị H (chết năm 2012). Khi bà Trương Thị H chết không có để lại di chúc, ông Nguyễn Văn T và bà Trương Thị H có tổng cộng sáu người con Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị Hồng N, không có con nuôi hoặc con riêng. Yêu cầu của ông Nguyễn Văn T yêu cầu chia phần tiền chuyển nhượng đất là 1.640.352.000 đồng là có cơ sở. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 651, 660 bộ luật dân sự phân chia số tiền 1.640.352.000 đồng cho ông Nguyễn Văn T và bà Trương Thị H (chết năm 2012) mỗi người là 50% số tiền chuyển nhượng tương đương 820.176.000 đồng, bà Trương Thị H có các những người thừa kế là Nguyễn

Văn T, Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị Hồng N. Do bà Trương Thị H đã chết vào năm 2012, nên số tiền 820.176.000 đồng của bà Trương Thị H sẽ được chia là 07 kỹ phần thừa kế, mỗi người được chia 117.168.000 đồng. Đối với phần tiền ông Nguyễn Văn T đã nhận cọc trước từ ông Nguyễn Văn M và đã chi sai được trình bày trong đơn phản tố ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc chia thừa kế phần tiền chuyển nhượng đất, cho nguyên đơn và các con của nguyên đơn và bà Trương Thị H (chết năm 2012) số tiền 1.640.352.000 đồng ,do bà Trương Thị H chết năm 2012 không có để lại di chúc, theo quy định là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 147, 212, 213, 227, 228, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 651, 660 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1/ Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn với bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, thống nhất chuyển nhượng phần đất theo đo đạc thực tế 6.834.8m² như mảnh trích đo địa chính số 361/2022 ngày 01/8/2022 của công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc bản đồ Tín Phát cho nguyên đơn, tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn và bị đơn.

1.2/ Nguyên đơn được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, phần đất theo đo đạc thực tế có tổng diện tích 6834.8m² (trong đó diện tích 939.4m² thuộc thửa đất số 950, diện tích 5895.4m² thuộc thửa đất số 1502), tờ bản đồ số 07 theo mảnh trích đo

địa chính số 361/2022 ngày 01/8/2022 của công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc bản đồ Tín Phát (*có hồ sơ kỹ thuật kèm theo*).

1.3/ Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có nghĩa vụ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK378381/CS03464 và CK378379/CS03462 cấp cùng ngày 31/01/2018, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS03696 cấp ngày 15/01/2019 hiện do bị đơn đang giữ, khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

1.4/ Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn giao cho bị đơn số tiền còn thiếu là 930.352.000 đồng (chín trăm ba mươi triệu ba trăm năm mươi hai ngàn đồng).

2/ Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc chia số tiền chuyển nhượng đất 1.640.352.000 đồng, ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ giao lại cho những người thừa kế của bà Trương Thị Hai cụ thể như sau:

2.1/ Ông Nguyễn Văn T đã nhận 710.000.000 đồng (bảy trăm mười triệu đồng) được nhận thêm số tiền 110.176.000 đồng (một trăm mười triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn đồng) là đủ phần 50% giá trị tài sản. Ông Nguyễn Văn T được nhận thêm 01 kỷ phần thừa kế của bà Trương Thị H số tiền 117.168.000 đồng (một trăm mười bảy triệu một trăm sáu mươi tám ngàn đồng).

2.2/ Ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ giao lại cho Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị Hồng N, mỗi người 01 kỷ phần thừa kế bằng 117.168.000 đồng (một trăm mười bảy triệu một trăm sáu mươi tám ngàn đồng).

3/ Kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm phần tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng nguyên đơn tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai số 0010021 ngày 25/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, thành án phí nguyên đơn không phải nộp thêm.

Án phí chia thừa kế ông Nguyễn Văn T được miễn lý do người cao tuổi theo Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí lệ phí Tòa án.

Án phí chia thừa kế Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị Hồng N, mỗi người phải chịu 5.858.000 đồng (năm triệu tám trăm năm mươi tám ngàn đồng) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn tự nguyện chịu tiền chi phí thẩm định, định giá là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đã nộp xong.

5/ Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

6/ Trong trường hợp Bản án, Quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự - thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHA huyện Châu Thành;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Nhân